

Bản án số: 01/2020/HS - ST.
Ngày: 05 - 02 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Thị Phương Bắc.
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS, ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị N, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2002, tại huyện T, tỉnh Vinh; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (sống) và bà Nguyễn Thị D (sống); bị cáo có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 8 năm 2020, sau đó bị cáo bỏ trốn. Vào ngày 30/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định truy nã bị cáo, đến ngày 25/01/2021 bị cáo bị tạm giữ và chuyển sang tạm giam từ ngày 27/01/2021 đến nay (bị cáo có mặt).

* ***Bị hại:*** Võ Văn T, sinh năm: 1992; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* ***Người làm chứng:***

- Võ Thị Kim N, sinh năm: 1999; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Trần Thị T, sinh năm: 1964; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990; Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/7/2020 Nguyễn Thị N đến nhà trọ H, thuộc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để thuê phòng nghỉ, sau đó được chủ nhà trọ bố trí ở phòng số 4. Tại đây nhà trọ có chiếc xe hiệu Honda, loại xe Vario 150, biển kiểm soát 83D1- do ông Võ Văn T là chủ sở hữu thường xuyên đậu ở trước phòng số 5. Vì vậy Nguyễn Thị N đã để ý chiếc xe này và N cũng biết được nơi để chìa khóa xe.

Khoảng 00 giờ ngày 16/7/2020 N lấy chìa khóa xe hiệu Honda, loại xe Vario 150, biển kiểm soát 83D1-, khi lấy được chìa khóa xe thì N đi ra dẫn xe và không có đề xe vì sợ gây ra tiếng ồn. N đá chân chống xe nên làm chiếc xe ngã đè vào người và bị phần chân thắng của xe cán vào chân bên phải tạo nên vết bầm tụ máu nằm ngang cổ chân, sợ bị phát hiện nên N ngồi trên ghế đá của dãy nhà trọ khoảng 05 phút thấy không có ai phát hiện nên N tiếp tục dắt chiếc xe ra đến Tỉnh lộ 933B thì N điều khiển xe chạy đến bến phà A hướng qua huyện T, tỉnh Trà Vinh. Lúc này, N lấy điện thoại ra xem là 00 giờ 30 phút, N ngồi ở bến phà đến 04 giờ sáng phà chưa chạy và nhớ lại trong người không có tiền, N chạy xe về hướng nhà trọ, khi cách nhà trọ khoảng 1 km thì N ghé vào quán ăn của anh Nguyễn Thanh T (ngụ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) để gửi xe. Sau đó N nhờ anh T chở về nhà trọ và N vào ngủ đến sáng thì chủ nhà trọ phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại xe Vario 150, biển kiểm soát 83D1- đậu ở dãy nhà trọ bị người khác lấy trộm nên ông Võ Văn T là chủ nhà trọ đồng thời là cha Võ Văn T đến Công an xã A trình báo sự việc.

Tại Kết luận Hội đồng định giá tài sản số: 06/2020/KL.HĐĐG ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu đen, biển kiểm soát 83D1- có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 28.330.000 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSCLD ngày 13/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức của bị cáo còn hạn chế, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có người thân là người có công với cách mạng. Theo

nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, khi áp dụng hình phạt cần hạn chế áp dụng hình phạt tù, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo lại không chấp hành cam đoan khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập, bị cáo bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định truy nã trên cơ sở đề nghị của Tòa án và bị bắt vào ngày 25/01/2021. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận vì muốn có xe sử dụng nên khoảng 00 giờ ngày 16/7/2020 bị cáo đã lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83D1-179.87 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Bị hại anh Võ Văn T khai: anh đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83D1- mà N đã lấy trộm. Anh yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người làm chứng là ông Nguyễn Thanh T và bà Võ Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa. Ông T và bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng trước đó những người làm chứng là ông T và bà N đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N, xét thấy lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai

của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị N, sinh ngày 25/7/2002 đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, tính đến ngày 16/7/2020 N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì N chưa đủ 18 tuổi nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo cần áp dụng Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 21/CT-VKS.CLD, ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng một mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để bị cáo có thời gian sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có người thân có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[5] Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì có thể được xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bỏ trốn, chứng tỏ rằng bị cáo không ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bị cáo, gây cản trở cho việc xét xử, vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù lao Dung là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập

ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại Võ Văn T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 83-D1 - và đã trả lại cho ông Võ Văn T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị N là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: do bị hại Võ Văn T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị N bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chí Hường